

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 185.316.200.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2009 gồm:

- Công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900854955 ngày 08 tháng 12 năm 2009
- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Chi nhánh Hà Nội: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số CN0103000076 ngày 9 tháng 7 năm 2001.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phạm Thị Sum	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Chủ	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Nguyễn Xuân Trình	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Doãn Cường	Thành viên
Ông Trần Tấn Phát	Thành viên
Ông Bùi Văn Lang	Thành viên
Ông Thái Văn Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Phạm Công Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Trang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Lộc	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/4/2009)
Ông Nguyễn Thanh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Lang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Biên Hòa, ngày 10 tháng 2 năm 2010



NGUYỄN VĂN LỘC

Số: 10.109/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Quý Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 2 năm 2010

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		532.632.377.622	277.753.890.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	86.126.277.361	19.559.334.401
1. Tiền	111		22.126.277.361	19.559.334.401
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			1.372.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			2.788.816.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			(1.416.816.500)
III. Các khoản phải thu	130		241.481.270.130	90.907.280.995
1. Phải thu khách hàng	131		81.771.274.409	46.686.058.687
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	149.441.721.542	42.694.120.090
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	10.370.242.842	1.634.503.355
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(101.968.663)	(107.401.137)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	201.271.427.516	165.314.482.806
1. Hàng tồn kho	141		201.271.427.516	165.314.482.806
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.753.402.615	600.792.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.472.234.407	458.493.600
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	2.281.168.208	142.299.000

(Phần tiếp theo trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		352.107.784.344	320.771.433.473
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.749.681.540	14.724.072.801
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.3	62.687.990.974	21.629.425.602
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.3	(9.938.309.434)	(6.905.352.801)
II. Tài sản cố định	220		263.749.797.795	281.992.953.232
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	236.628.760.887	177.307.986.077
+ Nguyên giá	222		477.806.521.750	388.104.628.229
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(241.177.760.863)	(210.796.642.152)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	9.328.149.896	8.070.359.159
+ Nguyên giá	228		12.994.688.800	10.703.288.800
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.666.538.904)	(2.632.929.641)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	17.792.887.012	96.614.607.996
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	34.354.000.000	22.020.400.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		60.845.515.864	64.950.340.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(26.491.515.864)	(42.929.940.000)
V. Đầu tư dài hạn khác	260		1.254.305.010	2.034.007.440
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			779.702.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	1.254.305.010	1.254.305.010
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		884.740.161.966	598.525.324.275

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		456.207.292.609	267.295.255.045
I. Nợ ngắn hạn	310		331.847.176.598	110.900.388.577
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	256.259.701.621	72.263.287.332
2. Phải trả người bán	312	5.12	24.893.790.942	20.590.902.772
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	7.447.052.420	3.250.343.520
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.13	5.282.658.509	652.189.424
5. Phải trả người lao động	315	5.14	15.633.774.473	7.883.859.531
6. Chi phí phải trả	316	5.15	8.856.459.075	707.600.687
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.16	13.473.739.558	5.552.205.311
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		124.360.116.011	156.394.866.468
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	123.913.296.174	156.050.574.295
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		446.819.837	344.292.173
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		428.532.869.357	331.230.069.230
I. Vốn chủ sở hữu	410		425.466.388.416	331.059.755.021
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18b	185.316.200.000	185.316.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.18a	154.476.840.000	154.476.840.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.18a	(1.852.417.625)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.18a	27.632.282.412	27.632.282.412
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.18a	6.910.585.120	6.910.585.120
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.18a	52.982.898.509	(43.276.152.511)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.066.480.941	170.314.209
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	5.18a	3.066.480.941	170.314.209
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		884.740.161.966	598.525.324.275

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Ngày 10 tháng 2 năm 2010



NGUYỄN VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.191.282.895.429	792.244.683.092
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	1.834.934.997	2.157.134.428
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.189.447.960.432	790.087.548.664
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.027.577.201.116	739.766.891.206
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		161.870.759.316	50.320.657.458
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.581.013.334	17.506.780.172
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.273.653.661	72.446.085.317
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		17.801.118.387	27.695.961.987
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	18.791.298.089	19.234.870.317
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	25.507.241.856	19.649.039.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		127.879.579.044	(43.502.557.234)
11. Thu nhập khác	31		274.129.037	565.752.495
12. Chi phí khác	32		31.045.455	184.747.140
13. Lợi nhuận khác	40		243.083.582	381.005.355
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		128.122.662.626	(43.121.551.879)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	8.035.976.607	1.408.905.642
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(1.254.305.010)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		120.086.686.019	(43.276.152.511)
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.18e	6.480	(2.446)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HOÀNG TUẤN

Ngày 10 tháng 2 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.219.467.845.079	815.255.681.331
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(991.408.567.126)	(746.863.386.735)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(41.418.642.713)	(29.822.209.268)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(16.281.007.594)	(27.695.955.503)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.084.444.383)	(1.408.905.642)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.126.227.834.099	1.828.021.898.286
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.304.835.748.844)	(1.824.329.636.581)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		(15.332.731.482)	13.157.485.888
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(5.186.198.734)	(11.653.593.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		36.570.001	309.131.906
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(96.087.544.600)	(41.414.029.135)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		70.711.876.202	53.961.073.387
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.200.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.066.600.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.130.985.230	10.497.659.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đầu tư	30		(25.527.711.901)	11.700.242.246

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		624.566.472.375	452.936.409.150
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(498.661.320.137)	(470.847.386.551)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.453.969.000)	(218.648.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		107.451.183.238	(18.129.625.501)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		66.590.739.855	6.728.102.633
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	19.559.334.401	12.831.231.768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(23.796.895)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	86.126.277.361	19.559.334.401

KẾ TOÁN TRƯỞNG**NGUYỄN HOÀNG TUẤN**

Ngày 10 tháng 2 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC**NGUYỄN VĂN LỘC**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 185.316.200.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 gồm:

- Công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900854955 ngày 08 tháng 12 năm 2009
- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Chi nhánh Hà Nội: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số CN0103000076 ngày 9 tháng 7 năm 2001.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư vào ngày khóa sổ năm tài chính được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Trong năm tài chính 2009, Công ty đã chuyển đổi từ phương pháp khấu hao đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo số lượng đối với các tài sản cố định hữu hình trực tiếp tham gia sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An theo Quyết định số 010/2009/QĐ-BHS-HĐQT, ngày 02 tháng 3 năm 2008 của Hội Đồng Quản Trị. Theo đó, mức khấu hao định mức là 548 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và 765 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Trị An. Việc thay đổi phương pháp khấu hao đã làm chi phí khấu hao năm 2009 giảm so với cùng kỳ năm trước là 7,2 tỷ đồng.

Đối với các tài sản cố định còn lại: nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2009
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10 năm
+ Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
+ Thiết bị văn phòng	5 – 6 năm
+ Chi phí đền bù, giải tỏa	5 – 15 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4.5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí hỗ trợ trồng mới cho nông dân được ghi nhận theo phương pháp thực thu, thực chi.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 2% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi bán. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức từ các khoản đầu tư và được ghi nhận khi quyền của cổ đông đối với việc nhận khoản lợi tức này được thiết lập.
- Lãi đầu tư trồng mía: lãi phải thu từ khoản ứng vốn cho nông dân trồng mía được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với hoạt động sản xuất:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 12 năm, kể từ năm 2001 là 15%.
- Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động thương mại:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 10 năm, kể từ năm 2001 là 20%.
- Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm: 2010 và 2011 đối với hoạt động sản xuất; 2009 và 2010 đối với hoạt động thương mại do có chứng khoán niêm yết lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 153/TCT-PC ngày 14/1/2010 của Tổng Cục Thuế.

- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

(Phần tiếp theo trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	4.062.911.974	1.381.995.161
Tiền gửi ngân hàng	18.063.365.387	18.177.339.240
Các khoản tương đương tiền	<u>64.000.000.000</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>86.126.277.361</u>	<u>19.559.334.401</u>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 8,8%/năm đến 10,49%/năm.

5.2. Các khoản phải thu khác

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước tiền mua lại phần vốn góp Công ty TNHH Hải Vy	6.500.000.000	-
Dự án Nhà ở cán bộ công nhân viên	699.816.435	701.536.435
Thuế thu nhập cá nhân	205.598.740	232.394.141
Lãi phải thu tiền gửi ngân hàng	681.205.479	-
Khác	<u>2.283.622.188</u>	<u>700.572.779</u>
Tổng cộng	<u>10.370.242.842</u>	<u>1.634.503.355</u>

5.3. Khoản ứng vốn trồng mía

Trong khoản mục Trả trước cho người bán là 149.441.721.542 đồng có khoản ứng vốn ngắn hạn cho nông dân đến ngày 31/12/2009 là 23.085.914.610 đồng, với các thông tin về việc ứng vốn cho nông dân trồng mía tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An sẽ được thu hồi bằng việc thu mua mía trong vụ thu hoạch năm 2009-2010, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu ứng vốn - ngắn hạn	23.085.914.610	19.708.010.352
Phải thu ứng vốn – dài hạn	62.687.990.974	21.629.425.602
Tổng cộng	85.773.905.584	41.337.435.954
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(9.938.309.434)</u>	<u>(6.905.352.801)</u>
Giá trị thuần khoản phải thu	<u>75.835.596.150</u>	<u>34.432.083.153</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng đang đi đường	14.663.296.592	7.500.874
Nguyên liệu, vật liệu	98.967.672.439	41.436.689.755
Công cụ, dụng cụ	10.892.153.675	10.311.351.332
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.167.784.951	37.674.475.369
Thành phẩm	51.510.737.614	71.618.311.263
Hàng hóa	<u>5.069.782.245</u>	<u>4.266.154.213</u>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	201.271.427.516	165.314.482.806
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>201.271.427.516</u>	<u>165.314.482.806</u>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn, hàng tồn kho được phép luân chuyển với điều kiện giá trị hàng tồn kho ít nhất phải bằng 100 tỷ đồng.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	331.168.208	142.299.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>1.950.000.000</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>2.281.168.208</u>	<u>142.299.000</u>

(Phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HOÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.6 . Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	83.394.762.122	294.824.189.192	6.682.093.991	3.203.582.924	388.104.628.229
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	31.564.087.513	53.164.848.963	3.534.781.461	1.771.012.631	90.034.730.568
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(41.573.235)	(291.263.812)	(332.837.047)
Số dư cuối năm	114.958.849.635	347.989.038.155	10.175.302.217	4.683.331.743	477.806.521.750
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	53.005.028.641	151.770.016.669	3.666.536.290	2.355.060.552	210.796.642.152
Khấu hao trong năm	5.140.805.851	24.513.581.916	758.769.052	300.798.939	30.713.955.758
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(41.573.235)	(291.263.812)	(332.837.047)
Số dư cuối năm	58.145.834.492	176.283.598.585	4.383.732.107	2.364.595.679	241.177.760.863
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	30.389.733.481	143.054.172.523	3.015.557.701	848.522.372	177.307.986.077
Tại ngày cuối năm	56.813.015.143	171.705.439.570	5.791.570.110	2.318.736.064	236.628.760.887

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 50.300.422.006 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn là 157.943.110.987 đồng (xem mục 5.17)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù, san lấp	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.876.671.758	2.826.617.042	10.703.288.800
Mua trong năm	2.291.400.000	-	2.291.400.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	10.168.071.758	2.826.617.042	12.994.688.800
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.298.612.011	1.334.317.630	2.632.929.641
Khấu hao trong năm	782.750.509	250.858.754	1.033.609.263
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	2.081.362.520	1.585.176.384	3.666.538.904
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.578.059.747	1.492.299.412	8.070.359.159
Tại ngày cuối năm	8.086.709.238	1.241.440.658	9.328.149.896

▪ Giá trị còn lại cuối năm của quyền sử dụng đất đã dùng thể chấp là 6.155.515.957 đồng (xem mục 5.11 của thuyết minh này).

▪ Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 32.501.174 đồng.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Nhà máy Đường Trị An	-	82.358.324.504
Dự án Cụm Chế biến Công nghiệp Tây Sông Vàm Cỏ	15.083.667.296	12.809.106.668
Khác	2.709.219.716	1.447.176.824
Tổng cộng	17.792.887.012	96.614.607.996

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.9. Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu	60.675.515.864 (*)	64.780.340.000
Trái phiếu công trình	<u>170.000.000</u>	<u>170.000.000</u>
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn khác	60.845.515.864	64.950.340.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	<u>(26.491.515.864) (**)</u>	<u>(42.929.940.000)</u>
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn khác	<u>34.354.000.000</u>	<u>22.020.400.000</u>

Tại thời điểm báo cáo tài chính này được phê chuẩn, Công ty không có dự định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

(*) Đầu tư cổ phiếu tại các đơn vị sau:

	Số lượng	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2009
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	1.040.000	43.075.515.864
Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	480.000	<u>17.600.000.000</u>
Tổng cộng		<u>60.675.515.864</u>

Khoản đầu tư 480.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (Sacomreal), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó 320.000 cổ phiếu Sacomreal phải được Công ty nắm giữ tối thiểu 3 năm kể từ ngày chính thức đứng tên trên cổ phiếu theo Biên bản thỏa thuận hợp tác ngày 3/4/2007 giữa hai bên.

(**) Dự phòng giảm giá cổ phiếu:

	Số lượng	Giá trị dự phòng tại ngày 31/12/2009
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	1.040.000	(18.011.515.864)
Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	480.000	<u>(8.480.000.000)</u>
Tổng cộng		<u>(26.491.515.864)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.10. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.254.305.010	1.254.305.010
Tổng cộng	<u>1.254.305.010</u>	<u>1.254.305.010</u>

5.11. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	231.522.223.500	46.993.009.211
Vay dài hạn đến hạn trả (xem mục 5.17)	<u>24.737.478.121</u>	<u>25.270.278.121</u>
Tổng cộng	<u>256.259.701.621</u>	<u>72.263.287.332</u>

Các khoản vay ngắn hạn là khoản vay tại các ngân hàng với lãi suất từ 5%/năm đến 12%/năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và từ 6%/năm đến 6,6%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 6.155.515.957 đồng (xem mục 5.7)
- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho với điều kiện giá trị hàng tồn kho ít nhất phải bằng 100 tỷ đồng (xem mục 5.4)
- Các khoản phải thu khách hàng với điều kiện giá trị các khoản phải thu tại mọi thời điểm nhiều hơn 5 triệu USD.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	24.893.790.942	20.590.902.772
Người mua trả tiền trước	<u>7.447.052.420</u>	<u>3.250.343.520</u>
Tổng cộng	<u>32.340.843.362</u>	<u>23.841.246.292</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

(Phần tiếp theo trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	3.942.487.841	238.187.502
Thuế tiêu thụ đặc biệt	344.712.060	345.915.543
Thuế thu nhập doanh nghiệp	951.532.224	-
Thuế thu nhập cá nhân	<u>43.926.384</u>	<u>68.086.379</u>
Tổng cộng	<u>5.282.658.509</u>	<u>652.189.424</u>

5.14. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2009 phải trả.

5.15. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trích trước tiền hỗ trợ trồng mía	4.487.934.880	-
Trích trước chi phí nước	1.500.000.000	626.600.687
Chi phí vận chuyển nội bộ	1.500.224.370	-
Chi phí vận chuyển đường giao khách hàng	545.303.024	-
Chi phí kiểm toán	100.000.000	81.000.000
Khác	<u>722.996.801</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>8.856.459.075</u>	<u>707.600.687</u>

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	444.253.630	172.620.329
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	641.740.000	916.340.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>12.387.745.928 (*)</u>	<u>4.463.244.982</u>
Tổng cộng	<u>13.473.739.558</u>	<u>5.552.205.311</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Vay quỹ tiết kiệm của Công đoàn	8.743.378.512	1.051.125.814
Cổ tức phải trả	1.344.170.600	1.266.519.600
Dự án nhà ở cán bộ công nhân viên	948.448.189	948.448.189
Khác	<u>1.351.748.627</u>	<u>1.197.151.379</u>
Tổng cộng	<u>12.387.745.928</u>	<u>4.463.244.982</u>

5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	148.650.774.295	181.320.852.416
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (xem mục 5.11)	<u>(24.737.478.121)</u>	<u>(25.270.278.121)</u>
Tổng cộng	<u>123.913.296.174</u>	<u>156.050.574.295</u>

Các khoản vay dài hạn là khoản vay tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,9%/năm đến 10,8%/năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại với số tiền 157.943.110.987 đồng (xem mục 5.6)

(Phần tiếp theo trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.18. Vốn chủ sở hữu

a) Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Số dư đầu năm trước	168.477.270.000	154.476.840.000	-	13.309.353.903	4.624.872.142	35.625.178.422	3.869.890.348
Tăng vốn trong năm trước	16.838.930.000	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(43.276.152.511)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(16.847.727.000)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	14.322.928.509	2.285.712.978	(18.215.780.422)	1.607.138.935
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(5.306.715.074)
Khác	-	-	-	-	-	(561.671.000)	-
Số dư đầu năm nay	185.316.200.000	154.476.840.000	-	27.632.282.412	6.910.585.120	(43.276.152.511)	170.314.209
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	120.086.686.019	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.531.620.000)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(3.500.000.000)	3.510.000.000
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(613.833.268)
Đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	-	-	(1.852.417.625)	-	-	-	-
Chi khác	-	-	-	-	-	(1.796.015.000)	-
Số dư cuối năm nay	185.316.200.000	154.476.840.000	(1.852.417.625)	27.632.282.412	6.910.585.120	52.982.898.509	3.066.480.941

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Giá trị		Tỷ lệ (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà Nước	20.849.400.000	20.849.400.000	11,25	11,25
Đối tượng khác	164.466.800.000	164.466.800.000	88,75	88,75
Tổng cộng	185.316.200.000	185.316.200.000	100,00	100,00

c. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	18.531.620.000	16.847.727.000

Trong năm 2009, Công ty tạm ứng bằng tiền mặt cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 10% trên vốn chủ sở hữu. Cổ tức năm 2009 sẽ được công bố sau khi tổ chức Đại hội cổ đông năm 2010.

d. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	18.531.620	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	18.531.620	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	18.531.620	18.531.620
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.		

e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lãi/lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	120.086.686.019	(43.276.152.511)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	18.531.620	17.689.674
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	6.480	(2.446)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.182.393.127.276	782.562.053.101
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>8.889.768.153</u>	<u>9.682.629.991</u>
Tổng cộng	1.191.282.895.429	792.244.683.092
Các khoản giảm trừ	<u>(1.834.934.997)</u>	<u>(2.157.134.428)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.189.447.960.432</u>	<u>790.087.548.664</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	1.023.908.105.305	735.877.825.205
Giá vốn cung cấp dịch vụ	<u>3.669.096.081</u>	<u>3.889.066.001</u>
Tổng cộng	<u>1.027.577.201.116</u>	<u>739.766.891.206</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.972.211.082	5.602.120.267
Lãi từ đầu tư trồng mía	7.490.640.438	5.695.519.511
Lãi đầu tư chứng khoán	164.993.500	2.938.071.667
Lãi cho vay	1.332.628.387	1.227.531.817
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.000.000	729.500.000
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	2.591.419.927	971.010.381
Khác	<u>17.120.000</u>	<u>343.026.529</u>
Tổng cộng	<u>13.581.013.334</u>	<u>17.506.780.172</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng / (hoàn nhập) tổn thất đầu tư chứng khoán	(17.855.240.636)	44.346.756.500
Chi phí lãi vay ngân hàng	17.801.118.387	27.695.961.987
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	2.587.894.136	-
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	728.540.294	337.131.725
Khác	11.341.480	66.235.105
Tổng cộng	3.273.653.661	72.446.085.317

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.749.760.775	4.049.331.305
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	114.405.760	121.522.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	572.822.710	583.454.464
Chi phí tiếp thị, khuyến mãi	2.578.492.200	3.985.499.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.493.203.349	6.150.516.981
Chi phí bằng tiền khác	3.282.613.295	4.344.545.230
Tổng cộng	18.791.298.089	19.234.870.317

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.769.808.193	8.665.813.345
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.577.199.854	1.004.677.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.018.537.417	1.357.981.483
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.097.619.640	3.066.476.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.377.691.057	2.219.521.085
Chi phí bằng tiền khác	5.666.385.695	3.334.569.688
Tổng cộng	25.507.241.856	19.649.039.230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	8.035.976.607	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	-	1.408.905.642
Tổng cộng	<u>8.035.976.607</u>	<u>1.408.905.642</u>

(Phần tiếp theo trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Đường sản xuất
- + Rượu sản xuất
- + Đường hàng hóa
- + Dịch vụ
- + Khác

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Đường sản xuất	Rượu sản xuất	Đường hàng hóa	Dịch vụ	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Đơn vị tính: 1.000 đồng							
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	997.552.904	5.987.922	140.324.006	8.889.768	36.693.361		1.189.447.960
Giữa các bộ phận							
Tổng cộng	997.552.904	5.987.922	140.324.006	8.889.768	36.693.361	-	1.189.447.960
Chi phí theo bộ phận							
Chi phí phân bổ trực tiếp	854.531.034	5.179.026	128.718.978	3.669.096	35.479.066		
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	143.021.869	808.895	11.605.028	5.220.672	1.214.294	-	161.870.759
Phân bổ chi phí gián tiếp	42.475.626	372.705	1.450.209	-	-		44.298.540
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	100.546.243	436.191	10.154.820	5.220.672	1.214.294		117.572.219
Thu nhập tài chính					13.581.013		13.581.013
Chi phí tài chính					3.273.654		3.273.654
Thu nhập/ (chi phí) khác					243.084		243.084
Lợi nhuận trước thuế							128.122.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp							8.035.976
Lợi nhuận sau thuế							120.086.686

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu	13.210.146.285	66.255.784
Phải trả	4.480.603.426	2.464.305.389
Vay ngắn hạn	46.293.000.000	-
Vay dài hạn	35.712.000.000	50.000.000.000
Đầu tư chứng khoán	60.709.820.000	62.145.080.000

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	41.639.274.053	50.726.117.569
Mua hàng	101.796.903.000	16.379.427.000
Chi phí lãi vay	4.909.443.343	6.420.000.000
Đầu tư chứng khoán	1.200.000.000	1.202.000.000
Vay ngắn hạn	102.488.000.000	-

Công ty vay tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho đầu tư tài sản cố định. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay bổ sung vốn lưu động từ các bên có liên quan không có tài sản bảo đảm và thời gian hoàn trả là tháng 11/2009. Khoản vay tài trợ cho tài sản cố định được bảo đảm và thời gian hoàn trả là năm 2015.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	1.320.000.000	1.103.000.000
Lương Tổng Giám đốc	446.729.415	361.156.889
Tổng cộng	1.766.729.415	1.464.156.889

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 2 năm 2010.

Ngày 10 tháng 2 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HOÀNG TUẤN



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN LỘC